

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày 19-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Cường**

Thẩm phán: Bà **Vũ Thị Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Kim Hồng**

Ông **Nguyễn Đồng Sơ**

Ông **Nguyễn Văn Khóa**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Mai Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Đào Thị Huế** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 12/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 205/2020/TB-TA ngày 08 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1994 tại Hải Dương;

Nơi đăng ký NKTT: thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn L, xã T, Huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Trịnh Thị Y; Có vợ là Trần Thị N và có 1 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020 cHể tạm giam ngày 03/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim chi Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Chu Thanh N– Luật sư Văn phòng luật sư Chu Văn Chiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; (Có mặt)

- **Người bị hại:** Anh Phạm Gia B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã D, Huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Công H**, sinh năm 1979; (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, Huyện K, tỉnh Hải Dương; Hiện đang chấp

hành án tại trại giam G Tiến.

- **Người làm chứng:**

+ Anh **Nguyễn Xuân L**, sinh năm 1985; (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Bích Cẩm, xã Quang Phục, Huyện K, Hải Dương

+ Anh **Lê Bá N**, sinh năm 1988; (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, Huyện C, tỉnh Hải Dương;

+ Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1974; (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Tràng Kỹ, xã T, Huyện C, Hải Dương;

+ Anh **Bùi Xuân S**, sinh năm 1992; (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, Huyện C, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng hiện đang chấp hành án tại Trại giam G Tiến. Địa chỉ: phường H, thành phố C, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công H, trú tại thôn L, xã T, Huyện K quen biết anh Phạm Gia B ở thôn C, xã D, Huyện K, tỉnh Hải Dương và biết anh B nhận ghi sổ lô, sổ đề đánh bạc sát phạt bằng tiền với mọi người. Với mục đích chiếm đoạt tiền của anh B nên chiều ngày 11/5/2018, H bàn với Nguyễn Xuân L về việc nhắn tin qua điện thoại đánh số lô, sổ đề với anh B rồi sử dụng phần mềm thay đổi nội dung tin nhắn thành số trúng thưởng để yêu cầu anh B trả thưởng, L đồng ý. H bảo L điện thoại rủ Vũ Văn D đến quán của H. Tại đây, H nói với D "*có thằng B ở C, D, anh với thằng L tính nhắn tin đánh đề để thằng L sửa thành số trúng, mày đi với bọn anh được anh em mình kiếm ít tiền tiêu*", D đồng ý và rủ thêm bạn tên G người ở Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (*chưa xác định được nhân thân, L lịch*) đi cùng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/5/2018, H gọi điện thoại cho anh B nói muốn thuê xe anh B chở đi Huyện C chơi, anh B đồng ý và lái xe ô tô hiệu Chevrotlet, loại Captiva, màu đen, B kiểm soát 34A- 232.66 đến quán của H chở H, L, D và G đến C. H bảo anh B lái xe chở cả nhóm đến quán Karaoke "*Anh Em*" ở Huyện C. Trên đường đi, H điện thoại cho Nguyễn Văn Q và bảo Q gọi mấy nữ nhân viên phục vụ hát đến. Khi đến quán, Q và 05 nhân viên nữ đã đợi ở đó, H bảo anh B lên phòng hát cùng, Q cũng vào hát cùng một lúc rồi đi ra ngoài ngồi. Tại quán Karaoke, H có nói với Q: "*Hôm nay em có kèo này hay, đi với em*", Q nói "O.k em". Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, tại phòng hát, H đưa điện thoại của mình cho L, L cầm điện thoại của H ra ngoài lấy sim điện thoại của H là số 0981.898.399 lắp vào điện thoại HTC của L để nhắn tin đánh lô, đề với anh B, nội dung: "*Lo15 x 100d de 15.56.51 x 300 nghìn.bacang 256. 512 x 1000.(1 triệu)*", tổng số tiền đánh lô, đề là 4.900.000 đồng. Anh B nhắn tin thông báo lại "*Ok anh nhé*", sau đó H đưa cho anh B 5.000.000 đồng, còn thừa 100.000 đồng, H bảo anh B cầm tính sau. Khoảng 19 giờ

cùng ngày, khi có kết quả xổ số miền Q, H so với dãy số kết quả giải đặc biệt thì không trùng số nào. Biết không trùng nên H bảo L sửa nội dung tin nhắn. L dùng phần mềm chỉnh sửa tin nhắn trên điện thoại sửa số đề đánh ba càng với anh B từ số “512” thành số “704” trùng với 3 số cuối giải đặc biệt kết quả xổ số miền Q ngày 11/5/2018. Sau đó, H nói với anh B là H trúng con đề ba càng được 400 triệu đồng, anh B không công nhận và nói H không đánh số đó, L mở mục tin nhắn điện thoại của mình có số (đã sửa) thành “704” cho anh B xem, anh B vẫn nói không trúng, anh B đưa lại điện thoại của anh B cho H xem thì chỉ còn tin nhắn “O.k anh nhé”, tin nhắn về các số H đánh lô, đề không còn. Sau khi tranh cãi một lúc, anh B không đồng ý trả tiền trúng đề thì H rủ mọi người cùng đi ăn tối. Q đi trước chờ theo các nhân viên nữ, đến quán “Bò Ngon” gần ngã 3 Ghẽ, xã T, Huyện C. Tại quán ăn, H nói với Q là H vừa trúng con đề ba càng được 400 triệu đồng, anh B vẫn nói là không trúng; Q điện thoại gọi Lê Bá N đến quán ăn, khi N đến, H kể việc trúng lô, đề cho N biết và nhờ N đòi giúp, xong việc H trả công 10 triệu đồng, N đồng ý. Tại quán ăn, khi H tiếp tục đòi tiền anh B thì Q chửi và nói: “Anh em nó đánh trúng mà phải trả tiền người ta chứ”, N đi đến cạnh chỗ anh B ngồi nói: “Con lợn này, đặng nào mà cũng phải trả tiền thì trả cho nhanh để mày còn về”. Sau đó, N dùng tay tát hai cái vào mặt anh B, L chửi và giơ nắm đấm dọa anh B, còn D và G chửi bới yêu cầu anh B trả tiền, D nói với anh B “Điện thoại còn tin nhắn kia sửa làm sao được, anh ý đánh trúng thì phải trả tiền anh ý, định quỵt hay sao”. Bị nhóm của H đánh, chửi và đe dọa, anh B sợ hãi nên đồng ý và hẹn ngày mai trả tiền, H không đồng ý và bắt anh B trả 200 triệu đồng trước 00 giờ ngày 12/5/2018, số tiền còn lại 200 triệu đồng yêu cầu anh B viết giấy nhận nợ. Sau đó, N điện thoại cho Bùi Xuân S đến để cầm cố xe; khi đến, S gọi H ra ngoài phòng ăn hỏi “Bọn anh tẩy số bằng điện thoại đúng không”, H trả lời “ừ đúng rồi” và hứa cho S tiền nếu cầm cố được xe ô tô của anh B, S đồng ý. N nói với anh B cầm cố xe ô tô cho S lấy 200 triệu đồng rồi dùng chiếc vung nồi lẩu đánh vào đầu anh B và nói: “mày cầm xe nhanh lên để bọn tao lấy tiền còn đi về”. Do sợ hãi nên anh B đồng ý cầm cố xe ô tô. Sinh không có tiền nên điện thoại cho anh Nguyễn Hữu D ở thôn X, xã P, Huyện C đến để cầm cố xe. Khi anh D đến, S nói xe ô tô của anh B cầm cố với giá 200 triệu đồng, anh D không đồng ý thì S nói cho S vay tiền để cầm cố, anh D đồng ý và bảo S phải trả lãi trước 10 triệu đồng và bảo Hà Đức H1 ở khu 3, thị trấn C, Huyện C về nhà anh D lấy hộ tiền để cho Sinh vay. Sau khi lấy được tiền, anh D đưa tiền cho S. N yêu cầu anh B viết Giấy bán xe, với nội dung anh B bán xe cho Sinh với giá 200 triệu đồng; viết xong, Sinh đưa cho anh B 200 triệu đồng; anh B cầm số tiền này đưa cho H. Sau đó, yêu cầu anh B tiếp tục viết giấy nhận nợ với nội dung anh B vay nợ H 200 triệu đồng và hẹn 4 ngày sau phải trả số tiền này.

Khi nhận được tiền, H cho anh B 500.000 đồng để đi taxi về nhà; cho N 10 triệu đồng, cho Q 10 triệu đồng, đưa cho Sinh 20 triệu đồng (trong đó có tiền lãi 10 triệu trả D), cho D 40 triệu đồng, cho L 30 triệu đồng, còn lại 90 triệu H sử dụng chi tiêu cá nhân. Kết luận định giá tài sản số 1986 ngày 30/7/2018 kết luận: Giá trị xe ô tô 34A- 232.66 hiệu Chevrotlet, loại Captiva, màu đen, sản xuất năm 2009, thời điểm tháng 5/2018 là 357 triệu đồng. Sau khi phạm tội, Vũ Văn D bỏ trốn, ngày 31/01/2020 D đã ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, D khai có hành vi chửi bới, ép anh B đưa tiền cho Nguyễn Công H; không thừa nhận được H bàn bạc trước về việc sẽ cùng L nhấn tin đánh lô, đề với anh B rồi sửa thành số trúng để ép anh B lấy tiền.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 11/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Văn D về tội Cướp tài sản, theo điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: D khai như đã khai tại cơ quan điều tra; không thừa nhận việc H trao đổi liên quan đến nội dung ghi đề với anh B như H khai. Biết các đối tượng có hành vi chửi, đánh và ép anh B trả tiền; bản thân bị cáo cũng có lời lẽ chửi anh B và yêu cầu anh B trả tiền trúng lô đề cho H. Sau khi lấy được tiền, H có đưa cho bị cáo 40.000.000đ và hiểu trong đó có cả phần của G. Nguyễn Công H khai sau khi bàn với L đánh lô đề với anh B và dùng phần mềm sửa số không trúng thành số trúng, H đã bảo L điện thoại rủ D tham gia; Sau khi L gọi, D đến và H đã nói lại nội dung và muốn D tham gia, D nhất trí, khi đi có một thanh niên là bạn D cùng đi; yêu cầu D trả lại H 40.000.000đ. Nguyễn Xuân L xác nhận nội dung H khai nhưng khi D đến quán thì H là người nói cho D biết nội dung, bản thân L lúc đó đi lại trong quán không cụ thể H nói gì với D. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày việc bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử theo điểm a khoản 4 điều 168 Bộ luật hình sự là phù hợp, bản thân bị cáo thấy được hành vi của mình là sai đã ra đầu thú. Tuy nhiên đề nghị Tòa án đánh giá chứng cứ liên quan đến việc đã được H bàn bạc từ trước về việc sửa số lô đề từ trúng thành trúng để chiếm đoạt tiền của anh B vì chỉ dựa trên lời khai của H là không khách quan. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, đầu thú và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét, đánh giá, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày luận tội: Phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội Cướp tài sản. Áp dụng điểm a khoản 4 điều 168; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 58 BLHS; Điều 579 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/ QH 14 về án lệ phí tòa án. Xử phạt bị cáo D từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng tù, kể từ ngày bắt tạm

giữ; D phải trả lại cho Nguyễn Công H 40.000.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị về nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt: BLTTHS) trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đối với bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội: Đối với Nguyễn Công H, Nguyễn Xuân L, Lê Bá N, Bùi Xuân S và Nguyễn Văn Q đã được xem xét và xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương và Bản án hình sự phúc thẩm số 416/2019/HSPT ngày 24/7/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội. Bị cáo D sau khi phạm tội bỏ trốn nay ra đầu thú. Tại phiên tòa bị cáo D không thừa nhận việc được H bàn bạc, trao đổi sẽ thay đổi nội dung tin nhắn đánh lô đề thành số trúng để ép anh B trả tiền rồi chiếm đoạt. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của Nguyễn Công H tại phiên tòa và nhiều lời khai của Nguyễn Xuân L có trong hồ sơ thể hiện: ...Sau khi L và H bàn bạc xong; H bảo L gọi điện rủ Vũ Văn D tham gia. Tại quán cầm đồ của H, H nói cho D biết và rủ D tham gia cùng để khi lấy được tiền cùng chia nhau; D đồng ý....Nên có căn cứ kết luận: Do có sự bàn bạc thống nhất từ trước giữa Nguyễn Công H, Nguyễn Xuân L, Vũ Văn D, về việc chiếm đoạt tiền của anh Phạm Gia B ở thôn C, xã D, Huyện K, tỉnh Hải Dương bằng thủ đoạn nhắn tin đánh số lô, số đề qua điện thoại sau đó dùng phần mềm sửa số không trúng thành số trúng để ép anh B trả tiền, rồi chiếm đoạt. Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 11/5/2018, tại quán hát Karaoke "Anh Em" ở thôn Q, xã T, Huyện C, L dùng điện thoại nhắn tin đánh số lô, số đề với anh Phạm Gia B với tổng số tiền 4.900.000 đồng rồi sửa tin nhắn thành số trúng đề và yêu cầu anh B phải trả 400 triệu đồng nhưng anh B không đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, tại quán ăn "Bò Ngon" thuộc địa phận thôn Tràng Kỹ, xã T, Huyện C, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn D cùng với Nguyễn Công H, Nguyễn Xuân L, Lê Bá N, Nguyễn Văn Q, Bùi Xuân S chửi bới, đe dọa, dùng tay và vung nồi lẩu đánh vào mặt, vào đầu anh Phạm Gia B, bắt anh B phải trả 400 triệu đồng, do anh B không có tiền, nên các đối tượng trong đó có D ép anh B viết giấy bán xe ô tô hiệu Chervolet B kiểm soát 34A- 232.66, trị giá 357 triệu đồng cho Bùi Xuân S để lấy 200 triệu đồng đưa cho Nguyễn Công H và viết giấy vay nợ Nguyễn Công H số tiền 200 triệu đồng. Hành vi của D đã cấu thành tội "Cướp tài sản", giá trị tài sản chiếm đoạt trên 500 triệu đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 4 Điều 168 BLHS. Nên Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các khách thể được pháp luật bảo vệ đó là tài sản, sức khỏe của người khác. Bị cáo là

người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi; thể hiện ý thức coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Nên phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội gây ra để hình phạt có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm, Nguyễn Công H là người khởi xướng bàn bạc cùng với Nguyễn Xuân L. Bị cáo D, sau khi được L gọi điện đã đến quán cầm đồ của H và H trao đổi nội dung việc sửa sổ lô đề từ không trúng thành trúng nhằm chiếm đoạt tiền của người bị hại; D đã tiếp nhận và bảo thêm G là bạn cùng đi. Tại quán ăn “Bò ngon” D có hành vi chửi bới, cùng đồng bọn đe dọa, ép anh B trả tiền cho H và được chia 40 triệu đồng nên bị cáo là đồng phạm giữ vai trò sau L trong vụ án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội, bỏ trốn và đã ra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tại phiên tòa bị cáo cơ bản đã khai báo thành khẩn; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[5] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương đã quyết định truy thu sung Ngân sách 130.000.000 đồng của Nguyễn Công H, trong đó có 40.000.000 đồng là tiền H đã đưa cho D. Tại phiên tòa, H yêu cầu bị cáo D phải trả lại, D đồng ý. Xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần chấp nhận yêu cầu của H, buộc bị cáo D phải trả lại H 40.000.000 đồng theo quy định.

[6] Những vấn đề khác liên quan đến vụ án đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương và bản án hình sự phúc thẩm số 416/2019/HSPT ngày 24/7/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Vũ Văn D phạm tội “Cướp tài sản”, phạt Vũ Văn D 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Văn D phải trả lại Nguyễn Công H số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường